

VAI TRÒ CỦA KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, NHỮNG LĨNH VỰC SẢN XUẤT PHÁT TRIỂN ĐỘNG LỰC TRONG NÔNG NGHIỆP CỦA VÙNG

*ThS. Bùi Duy Hoàng**

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích tự nhiên toàn vùng là 39.747 km², tương đương 12,25% so với diện tích của cả nước; theo tổng cục thống kê năm 2013, diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm 64,2%, đất lâm nghiệp là 7,5%, đất ở 6,4%, đất chuyên dùng 3,0%. Với hơn 400 km biên giới trên bộ với Campuchia, có bờ biển dài hơn 700 km, với khoảng 360.000 km² vùng kinh tế đặc quyền, giáp biển Đông và vịnh Thái Lan. Nguồn nước dồi dào, tổng trữ lượng tiềm năng nước của vùng ĐBSCL trên 84 triệu m³/ngày. Hiện nay, tổng lượng nước đang khai thác sử dụng là 854 ngàn m³/ngày, trong đó lượng nước ngầm chiếm hơn 12% (106 ngàn m³/ngày đêm). Ở nông thôn, theo thống kê chưa đầy đủ, hiện đang có hơn 500.000 giếng các loại với tổng lưu lượng khai thác 300.000 m³/ngày.

Năm 2013, dân số của vùng ĐBSCL có khoảng 17.478,9 ngàn người, chiếm 19,48% dân số cả nước. Mật độ dân số trung bình của vùng đạt 431 người/km² (gấp 1,98 lần mật độ dân số trung bình của cả nước), dân số nông thôn chiếm 75,47%.⁽¹⁾

Qua chuỗi số liệu từ năm 1995 đến nay, vùng ĐBSCL luôn đứng đầu về diện tích đất nông nghiệp, sản lượng lúa cũng như giá trị sản xuất về nông nghiệp so với các vùng trong cả nước. Hiện nay, vùng ĐBSCL có diện tích đất sản xuất nông nghiệp đứng đầu cả nước 2.606,5 ngàn ha (tương đương 25,53% so với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của cả nước). Giá trị sản xuất nông nghiệp của vùng chiếm 33,3% (năm 2011) so với giá trị nông nghiệp của cả nước, gấp 1,91 lần so với giá trị sản xuất nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng và gấp 2,28 lần vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; gấp 3,24 lần so với vùng trung du và miền núi phía Bắc, 2,29 lần giá trị sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và hơn khu vực Đông Nam Bộ 3,19 lần. Từ thực tế này cho thấy vị trí đứng đầu về sản xuất nông nghiệp của khu vực này đối với cả nước bao gồm cả về diện tích, sản lượng và giá trị.

* Trung tâm nghiên cứu kinh tế miền Nam

⁽¹⁾Nguồn: Tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2013

Bảng 1: So sánh một số chỉ tiêu của vùng ĐBSCL với cả nước

Đơn vị tính: %

Hạng mục	2000	2005	2009	2010	2011	2012	2013
Diện tích lúa cả năm của ĐBSCL so với cả nước (%)	51,47	52,21	52,04	52,69	53,48	53,91	54,91
Sản lượng lúa của ĐBSCL so với cả nước (%)	51,35	53,86	52,69	53,98	54,88	55,60	56,70
Sản lượng thủy sản của ĐBSCL so với cả nước (%)	51,95	53,26	57,90	58,32	58,19	58,17	56,62
Sản lượng thủy sản khai thác của ĐBSCL so với cả nước (%)	48,40	42,41	40,58	40,84	41,39	41,73	40,85
Diện tích nuôi trồng thủy sản của ĐBSCL so với cả nước (%)	69,37	71,40	70,72	70,56	70,09	70,66	72,01
Sản lượng trái cây so với cả nước (%)	65,60	67,86	68,91	71,04	70,00	70,10	70,3

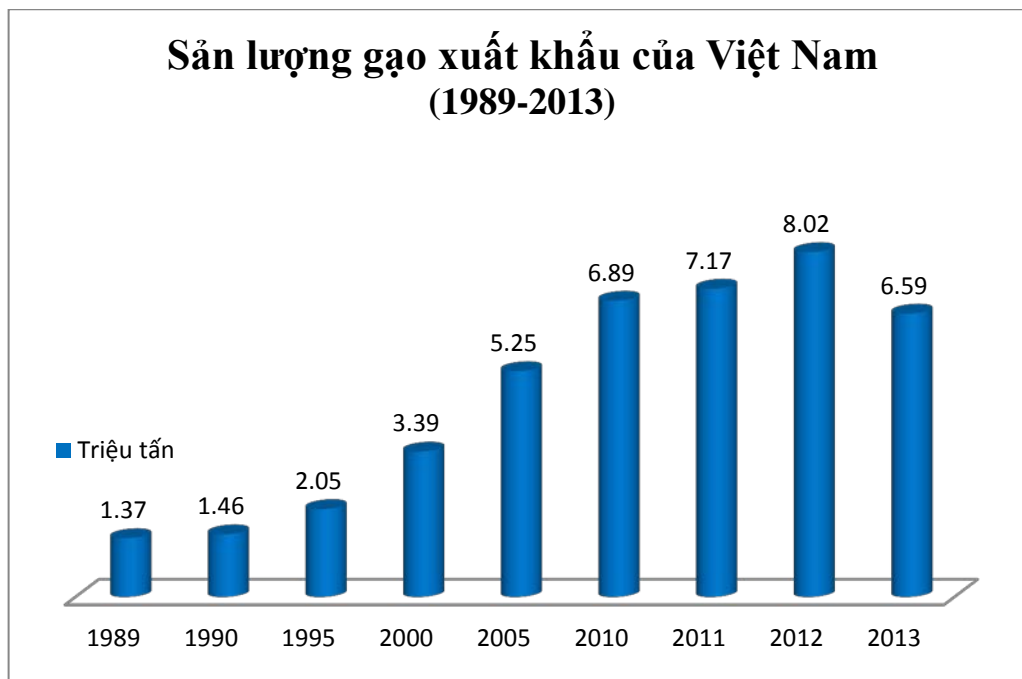
Nguồn: Xử lý theo số liệu của tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước, 2005, 2010, 2013

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm theo xu hướng tăng trưởng ổn định, thời kỳ 15 năm (1996-2010) đạt 4,38%, thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của nước (4,96%). Nhưng cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của vùng đồng bằng sông Hồng (3,85 %).

Cơ cấu khu vực 1 (nông, lâm, thủy sản) tại thời điểm năm 2013, chiếm 35,5% trong tổng GDP của toàn vùng ĐBSCL, cao gấp 1,8 lần so với cơ cấu khu vực 1 của cả nước (19,67%). Trong cơ cấu nội hàm của nông nghiệp thì lĩnh vực trồng trọt chiếm 75% và chăn nuôi chiếm 16%, phần còn lại là các hoạt động khác. Với cơ cấu này thể hiện sản xuất trồng trọt trong nông nghiệp là sản xuất chủ lực của ngành, chăn nuôi cũng khá quan trọng chiếm 16%, nhưng chỉ tương đương 1/5 so với trồng trọt. Các loại hình hoạt động nông nghiệp khác như lâm nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, hoạt động phụ trợ ... chiếm tỷ trọng nhỏ, chỉ đạt 9%.

Với đặc thù địa lý kinh tế, vùng ĐBSCL có nền tảng nông – thủy sản vững mạnh, sản lượng lúa của vùng luôn chiếm từ 50% đến 55,64% sản lượng lúa của cả nước. Sản lượng trái cây khoảng 70% và sản lượng thủy sản chiếm 57% so với cả nước. Vùng ĐBSCL là cái nôi lương thực, thực phẩm, hoa trái của cả nước, vùng này đã giữ vai trò quan trọng về an ninh lương thực quốc gia, cung cấp trên 50% sản lượng nhu cầu lương thực, thực phẩm thủy sản, hoa trái cho cả nước. Đồng thời đóng góp từ 80% đến 90% lượng gạo xuất khẩu của cả nước.

Biểu đồ: Sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam (1989 -2013)



Nguồn: Niên giám thống kê cả nước năm 1995, 2001, 2006, 2011, 2013

Bảng 2: Một số chỉ tiêu về lúa của ĐBSCL so với cả nước và hai vùng khác

Đvt: Nghìn ha, %, nghìn tấn, tạ/ha

	2000	2005	2010	2011	2012	2013
Diện tích lúa (Nghìn ha, %)						
Đồng bằng sông Cửu Long	3945,8	3826,3	3945,9	4093,9	4184,0	4337,9
ĐBSCL so với cả nước (%)	51,47	52,21	52,69	53,48	53,91	54,91
ĐBSCL so với ĐBSH (%)	325,40	322,60	343,09	357,70	353,43	383,65
ĐBSCL so với BTB và DHMT (%)	353,09	334,32	325,01	333,16	361,53	352,62
Sản lượng lúa (Nghìn tấn, %)						
Đồng bằng sông Cửu Long	16702,7	19298,5	21595,6	23269,5	24320	24993
ĐBSCL so với cả nước (%)	51,35	53,86	53,98	54,88	55,60	56,70
ĐBSCL so với ĐBSH (%)	253,59	301,61	317,33	334,05	353,48	378,64
ĐBSCL so với BTB và DHMT (%)	370,71	361,23	351,03	356,07	361,88	373,14
Năng suất lúa bình quân (Tạ/ha)						

	2000	2005	2010	2011	2012	2013
CẢ NƯỚC	42,43	48,89	53,42	55,38	56,31	55,8
Đồng bằng sông Hồng	54,32	53,94	59,17	60,86	60,33	59,2
Bắc Trung Bộ và DHMT	40,32	46,68	50,67	53,18	54,32	53,7
Đồng bằng sông Cửu Long	42,33	50,44	54,73	56,84	58,10	57,6

Nguồn: Tổng hợp theo Tổng cục Thống kê: Niên giám thống kê cả nước, 2005, 2010, 2013

Thủy sản cũng là ngành phát triển mạnh trong những năm qua và trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước với gần 800.000 ha (tăng 500.000 ha so với 10 năm trước). Các mặt hàng tôm, cá tra đã trở thành một trong những ngành kinh tế chiến lược của quốc gia. Sản lượng cá tra của ĐBSCL đã vượt hơn 1 triệu tấn/năm, với kim ngạch xuất khẩu khoảng 1,4 tỷ USD. Sản lượng tôm cũng chiếm 80% và đóng góp 60% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước⁽²⁾.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu về thủy sản của ĐBSCL so với cả nước và hai vùng khác

Đvt: Nghìn ha, nghìn tấn, tạ/ha, CV, %

	2000	2005	2010	2011	2012	2013
Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (Nghìn ha)						
Đồng bằng sông Cửu Long	445,3	680,2	742,7	729,3	734,1	753,5
ĐBSCL so với cả nước (%)	69,37	71,40	70,56	70,09	70,66	72,00
ĐBSCL so với ĐBSH (%)	651,98	630,98	596,55	584,38	546,61	598,49
ĐBSCL so với Bắc trung bộ và DH MT (%)	929,65	924,18	929,54	902,60	848,67	910,02
Sản lượng thủy sản (Nghìn tấn)						
Đồng bằng sông Cửu Long	1.169,06	1.846,27	2.999,11	3.169,72	3385,99	3408,29
ĐBSCL so với cả nước (%)	51,95	53,26	58,32	58,19	58,17	56,62
ĐBSCL so với ĐBSH (%)	602,62	486,76	506,38	506,61	508,39	462,17
ĐBSCL so với Bắc trung bộ và DH MT (%)	250,27	211,83	276,13	271,46	272,70	258,85

Nguồn: Tổng hợp theo Tổng cục Thống kê: Niên giám thống kê cả nước, 2005, 2010, 2013

⁽²⁾ Thế Đạt (TTXVN)- Vùng ĐBSCL chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn diện-<http://www.vietnamplus.vn/vung-dbscl-chuyen-dich-co-cau-kinh-te-toan-dien/220679.vnp>

ĐBSCL hiện có trên 300 ngàn hecta cây ăn trái các loại, với tổng sản lượng trên 3 triệu tấn trái cây/năm. Trong đó có nhiều loại trái cây ngon, có giá trị kinh tế cao, như xoài cát Hòa Lộc, vú sữa Lò Rèn, bưởi 5 roi, bưởi da xanh... Trong số những trái cây chủ lực có lượng xuất khẩu lớn, thu về nhiều ngoại tệ có sự góp mặt của nhiều loại trái cây đặc sản vùng ĐBSCL: Thanh long (chiếm 40% tổng kim ngạch xuất khẩu), dứa (chiếm 27,2% tổng kim ngạch), khóm (16% tổng kim ngạch), mít (3,5%), bưởi (1,6%), xoài (chiếm 1,5%), sơ ri (chiếm 1,1%)⁽³⁾.

Những Lĩnh Vực Động Lực Trong Nông Nghiệp Của Vùng

Hiện nay, kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSCL đã hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh với lợi thế có các sản phẩm chủ lực của vùng là lúa gạo, thủy sản, trái cây. Khu vực nông nghiệp tăng trưởng bình quân 6,9%/năm. Thu nhập mỗi hecta đất sản xuất nông nghiệp từ hơn 20 triệu đồng trước đây nay tăng lên 39 triệu đồng. Năng suất lúa từ 4,3 tấn/ha tăng lên 6,3 tấn/ha, sản lượng lúa từ 12,8 triệu tấn (năm 1995) tăng lên 24,99 triệu tấn (năm 2013). Hàng năm, ĐBSCL xuất khẩu trên 6 triệu tấn gạo, trị giá trên 3 tỷ USD.⁽⁴⁾

ĐBSCL giữ vững vai trò là trung tâm lúa gạo của cả nước. Từ nay đến năm 2020, ĐBSCL cần phân đầu chuyển toàn bộ các cây con giống sang giống mới, có chất lượng cao; Đẩy mạnh phát triển chiều sâu phát triển giống lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu ổn định về sản lượng nhưng giá trị gia tăng tăng cao. Phân khúc và định vị thị trường mục tiêu toàn diện, quy hoạch vùng chuyên canh ổn định và đảm bảo dự báo tốt cả về thị trường lẫn sản lượng, chất lượng cũng như nhu cầu tiêu thụ, dự trữ trong nước để đảm bảo ổn định tâm lý của nông dân không vì chạy theo lợi nhuận mùa vụ bấp bênh sản xuất tự phát phá vỡ quy hoạch chung trong sản xuất dài hạn.

Theo dự báo của Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020, “giai đoạn đến năm 2020 giữ diện tích đất nông nghiệp của vùng trong khoảng 2,02-2,26 triệu ha, trong đó có khoảng 1,8 triệu ha trồng lúa và 400 ngàn ha đất trồng cây lâu năm.

Đảm bảo cung ứng 20,8-21 triệu tấn lúa vào năm 2015 và 22-22,5 triệu tấn vào năm 2020. Mục tiêu xuất khẩu trong chiến lược đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đạt 4,5- 4,8 triệu tấn gạo/năm trong giai đoạn đến năm 2020.”

⁽³⁾ <http://sofri.org.vn/NewsDetail.aspx?l=&id=527&cat=1&catdetail=7>

⁽⁴⁾ Thế Đạt - Thống Tấn xã Việt Nam (16/09/13 11:04) - Vùng ĐBSCL chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn diện

Bảng 4: Dự kiến gieo trồng lúa cả năm vùng Đồng bằng sông Cửu Long*Đơn vị: DT: 1000 ha; NS: tấn/ha; SL: 1000 tấn*

Hạng mục	Năm 2015	Năm 2020
Diện tích	3.560,9	3.471,1
Năng suất	5,89	6,36
Sản lượng	20.984,5	22.085,6

*Nguồn: QHTTKT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020***Thủy sản, sản phẩm mũi nhọn:**

Với sản lượng thủy sản của vùng chiếm 56,62% thủy sản của cả nước, 39,97% sản lượng thủy sản khai thác của cả nước và diện tích nuôi trồng thủy sản hiện tại chiếm 72,00% diện tích nuôi trồng thủy sản của cả nước. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị hecta nuôi trồng thủy sản luôn xấp xỉ gấp 2 lần giá trị một đơn vị hecta trồng trọt. Với lợi thế này, thủy sản của ĐBSCL là một ngành kinh tế mũi nhọn, sản xuất hàng hoá lớn, có sức cạnh tranh cao, có kim ngạch xuất khẩu lớn, có khả năng tự đầu tư phát triển, góp phần đáng kể phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Ngoài ra kinh tế thủy sản của vùng ĐBSCL còn gắn liền với chiến lược kinh tế biển của cả vùng và của quốc gia.

Bảng 5: Giá trị sản phẩm thu được trên 1 hecta đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản

ĐVT: Triệu đồng, lần

	Đất trồng trọt (1)	Mặt nước nuôi trồng thủy sản (2)	So sánh (2)/(1) (lần)
2005	23,6	47,4	2,01
2006	26,4	55,4	2,10
2007	31,6	67,4	2,13
2008	43,9	77,4	1,76
2009	45,5	87,1	1,91
2010	54,6	103,8	1,90
2011	72,2	135,2	1,87
2012	72,8	145,3	2,00
2013	75,7	157,6	2,08

Nguồn: Tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2013

Sản phẩm thủy sản có giá trị xuất khẩu cao tập trung chủ yếu vào ba loại chính là cá da trơn, tôm, mực.

Theo quyết định Số: 1690/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 16 tháng 9 năm 2010 “Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020”, thủy sản của vùng ĐBSCL được định hình như sau:

“Ngành thủy sản cơ bản được công nghiệp hóa - hiện đại hoá và tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới.

Kinh tế thủy sản đóng góp 30 - 35% GDP trong khối nông - lâm - ngư nghiệp, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản từ 8 - 10%/năm. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 8 - 9 tỷ USD. Tổng sản lượng thủy sản đạt 6,5 - 7 triệu tấn, trong đó nuôi trồng chiếm 65 - 70% tổng sản lượng.”

Bảng 6: Dự kiến một số chỉ tiêu phát triển thủy sản đến năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2020	Tốc độ TTBQ (%)
				2016-2020
1. Giá trị sản xuất (giá 1994)	Tỷ đồng	57.005	78.102	6,5
2. Tổng sản lượng	Nghìn tấn	3.907	4.979	5,0
- Sản lượng nuôi trồng	//	3.015	4.074	6,2
- Sản lượng khai thác	//	892	905	0,3
3. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	3.639	4.757	5,5
4. Diện tích nuôi	Nghìn ha	842	886	1,0
- Nuôi mặn, lợ	//	610	619	0,3
- Nuôi ngọt	//	232	267	2,9

Nguồn: QHTTKT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020

Phát triển vùng cây ăn trái ổn định bền vững

Nam Bộ là vùng sản xuất trái cây trọng điểm của cả nước, với hơn 416 nghìn ha, sản lượng khoảng 4,3 tấn, chiếm 53,2% diện tích và 57% về sản lượng, trong đó ĐBSCL chiếm diện tích gần 300 nghìn ha, với tổng sản lượng trên 3 triệu tấn trái cây/năm. Tuy

nhien, đến thời điểm hiện nay, ở ĐBSCL chỉ mới có khoảng 0,14% diện tích cây ăn trái được chứng nhận sản xuất theo quy trình GAP.⁽⁵⁾

Xuất khẩu trái cây ở ĐBSCL đã phát triển tốt với sự thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu trên khắp các châu lục. Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 1.040 triệu USD, tăng trưởng không dưới 10% so năm 2012. Nếu năm 2011, trái cây Việt Nam được xuất khẩu sang 63 quốc gia, thì hiện nay đã mở rộng lên 76 quốc gia. Trong số những trái cây chủ lực có lượng xuất khẩu lớn, thu về nhiều ngoại tệ có sự góp mặt của nhiều loại trái cây đặc sản vùng ĐBSCL như: thanh long (chiếm trên 40% tổng kim ngạch xuất khẩu), dứa (chiếm 27,2% tổng kim ngạch), dưa (trên 16% tổng kim ngạch), mít (3,5%), bưởi (chiếm 1,6%), xoài (chiếm 1,5%)⁽⁶⁾... Đây là những tín hiệu vui cho ngành trồng cây ăn quả xuất khẩu của ĐBSCL, đặt nền tảng phát huy tiềm năng kinh tế lớn trong sự nghiệp đổi mới đất nước, giúp nông nghiệp – nông dân – nông thôn của cả vùng phát triển vững chắc.

Hiện nay, trên 30 loại trái cây đặc sản có giá trị kinh tế cao. Nổi trội là các loại trái cây như: xoài cát Hòa Lộc, bưởi da xanh, bưởi Năm Roi, thanh long, sầu riêng, nhãn xuống cơm vàng, chôm chôm nhãn, sậpô Mặc Bắc, chuối, khóm, các loại cây ăn trái có múi... trồng theo hướng VietGAP và GlobalGAP.

Theo quy hoạch vùng ĐBSCL đến năm 2020 diện tích cây ăn trái đạt khoảng 420 ngàn ha, sản lượng 4,2 triệu tấn. Các loại cây ăn quả chính vẫn bao gồm: bưởi, xoài, quýt, cam, vú sữa, chôm chôm...

Phát triển cây ăn trái ở ĐBSCL gắn với các định hướng chế biến và thị trường tiêu thụ, lựa chọn các cây, quả chủ lực có hiệu quả sản xuất và tính cạnh tranh cao để tập trung đầu tư phát triển thành vùng chuyên canh, gắn với các chính sách cho vùng chuyên canh, xây dựng thương hiệu.

Như vậy, những vấn đề đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở ĐBSCL trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay cần đặt trên nền tảng sản xuất dựa vào thế mạnh của sản phẩm chủ lực là lúa gạo và sản phẩm mũi nhọn của vùng là thủy sản và cây ăn trái. Nông thôn ĐBSCL trở nên hiện đại khi các phương thức sản xuất áp dụng để sản xuất ba mặt hàng trên được chuyên sâu ở trình độ cao cả về phương thức sản xuất và dịch hỗ trợ (công nghiệp đi kèm như chế biến, bảo

⁵<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=72&id=143454>

⁶<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=72&id=146642>

quản ... đối với hàng nông – thủy sản), cũng như điều kiện hạ tầng, thị trường ổn định ... đang là những bước cần nghiên cứu, triển khai các chính sách, phương thức điều hành... và có lộ trình, bước đi phù hợp để tạo cuộc cách mạng toàn diện trong sản xuất nông nghiệp của vùng trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.

Đồng bằng sông Cửu Long đã đến lúc cần phải nỗ lực nghiên cứu tìm ra giải pháp sản xuất nông – thủy sản đi vào chiều sâu cả về chất lượng sản phẩm lẫn trình độ lao động cao. Cần nghiên cứu đưa ra giải pháp cụ thể khuyến khích nông dân thực hiện theo lộ trình nhằm hiện đại hóa nông nghiệp một cách toàn diện và bền vững, ổn định trong thời gian dài, phát huy tối đa khả năng của nông nghiệp giúp đời sống nông dân được nâng cao, phương thức sản xuất hiện đại, bộ mặt nông thôn thay đổi và ngày càng khang trang hơn./.